

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 – 09 – 2022.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
 về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Ník Êban và ông Y Yáo BKrông.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 216/2022/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 05 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35a/2022 /QĐXX-ST, ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm:1981. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2022 và các lời khai trong quá trình thu thập, chứng cứ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị D và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/6/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị D phát hiện anh N ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi. Chị D nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đã làm đơn khởi kiện với nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Trong thời kỳ chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thục Gia L, sinh ngày: 27/11/2013 và Nguyễn Thục N, sinh ngày: 03/7/2019. Theo nguyện vọng của con chung cháu L xin được ở với bố là anh N và cháu Nguyễn Thục N đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy chị D có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thục N, sinh ngày: 03/7/2019 và giao con chung Nguyễn Thục Gia L, sinh ngày: 27/11/2013 cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai lập ngày 13/5/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh N và chị D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo vợ tôi nói không hợp với tôi nên đã làm đơn ly hôn và vì con chung anh N không đồng ý ly hôn với chị D. Nếu như trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh N có nguyện vọng xin được nuôi

đường con chung Nguyễn Thục Gia L, sinh ngày: 27/11/2013 và đồng ý giao con chung Nguyễn Thục N, sinh ngày: 03/7/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành phiên họp và hòa giải vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện và không tranh luận gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến tham gia phiên phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D; Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thục Gia L, sinh ngày: 27/11/2013 cho anh Nguyễn Văn N và giao con chung Nguyễn Thục N, sinh ngày: 03/7/2019 cho chị Nguyễn Thị D

nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên không yêu cầu nên không giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D lập ngày 05/5/2022, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông anh Nguyễn Văn N, cư trú tại Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện K căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Văn N: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn N.

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/6/2015, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị D phát hiện anh N ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau và đã sống ly thân đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn anh N khai nhận anh N và chị D

sống với nhau được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vì con chung nên anh N không đồng ý ly hôn với chị D

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 18/05/2022, Tòa án nhân dân huyện K tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn N (Bút lục số 23). Kết quả ban tự quản Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cung cấp: “Trong thời gian chung sống tại địa phương chị D và anh N không yêu cầu ban tự quản hòa giải về mâu thuẫn gia đình, tuy nhiên hiện nay anh N và chị D đã sống ly thân, mỗi người một nơi và vợ chồng không sống chung với nhau nữa”.

Căn cứ vào kết quả xác minh, lời khai của anh N cũng như lời trình bày của chị D đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn N có mâu thuẫn và đã sống ly thân, không chung sống cùng nhau và quá trình giải quyết vụ án chị D anh N thừa nhận trong thời gian chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn nên hiện nay chị D và anh N đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi nên cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị D có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thực N, sinh ngày: 03/7/2019 và anh N có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thực Gia L, sinh ngày: 27/11/2013. HĐXX, xét thấy nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung của chị D và anh N phù hợp với nguyện vọng của con chung, vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Nguyễn Thực Gia L, sinh ngày: 27/11/2013 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung Nguyễn Thực N, sinh ngày: 03/7/2019 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Thục N, sinh ngày: 03/7/2019 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Giao con chung là Nguyễn Thục Gia L, sinh ngày: 27/11/2013 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, tuy nhiên chị D, anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc và

nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 60AA/2021/0006096 ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai